

## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Thanh Sơn
- Địa chỉ: Phố Hạ Sơn- Thị Trấn Thanh Sơn – Huyện Thanh Sơn- Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 3000 m<sup>3</sup>/ngđ / Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 4.225 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Suối Dông.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 01 năm 2025.
- Người kiểm tra: Lê Đức Quân
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Thanh Sơn.

Mẫu 2: Ông Hùng – khu Ba Mỏ - XNCN Thanh Sơn.

Mẫu 3: Bà Hằng – Khu Phú Gia - XNCN Thanh Sơn.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**)(mg/L)	0,62	0,40	0,32	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,38	0,40	0,42	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,90	6,20	6,50	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,35	7,38	7,40	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

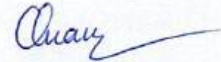
- Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023.

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Thanh Sơn, ngày 15 tháng 01 năm 2025*

**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Đức Quân

## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Tề Lễ
2. Địa chỉ: Khu 1 – Xã Tề Lễ – Huyện Tam Nông - Tỉnh Phú Thọ.
3. Công suất thiết kế: 2000 m<sup>3</sup>/ngđ / Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 542 khách hàng
4. Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Bứa.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 01 năm 2025.
6. Người kiểm tra: Lê Đức Quân.
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Tề Lễ.

Mẫu 2: Ông Sơn – Khu 1 – Tề Lễ - XNCN Tề Lễ.

Mẫu 3: Ông Lâm – Khu 1 – Quang Húc – XNCN Tề Lễ.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số				Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
		1	2	3		
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,55	0,38	0,40	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,38	0,40	0,43	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	6,00	6,20	6,50	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,40	7,45	7,48	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

-Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023.

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:**Không

*Tam Nông, ngày 15 tháng 01 năm 2025*

**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Đức Quân

## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Phú Thọ - Cty CP cấp nước Phú Thọ
2. Địa chỉ: Phố Cao Du - Phường Âu cơ - Thị xã Phú Thọ - Phú Thọ
3. Công suất thiết kế: 26.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Tổng số HGD được cung cấp nước: 19.022 khách hàng
4. Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt - Sông hồng
5. Thời gian kiểm tra: Ngày 15 tháng 01 năm 2025
6. Người kiểm tra: Nguyễn Đức Thắng
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa nước sạch - Xí nghiệp cấp nước Phú Thọ

Mẫu 2: Ông Trần Ngọc Trung – Thanh Vinh - Thị xã Phú Thọ - XNCN Phú Thọ

Mẫu 3: Ông Vũ Mạnh Tuấn – Khu 3 – Đỗ Sơn - XNCN Phú Thọ.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
1	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3	Clo dư tự do (**)(mg/l)	0,60	0,40	0,28	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4	Độ đục (NTU)	0,40	0,42	0,46	2	Đạt
5	Màu sắc (TCU)	6,50	6,80	7,00	15	Đạt
6	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7	pH	7,60	7,68	7,65	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

- Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023.

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Phú Thọ, ngày 15 tháng 01 năm 2025*

**Người kiểm tra**

(Ký, ghi rõ họ tên)



*Nguyễn Đức Thắng*

## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Phù Ninh.
2. Địa chỉ: Khu 10 - Thị Trấn Phong Châu – Huyện Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ.
3. Công suất thiết kế: 20.000 m<sup>3</sup>/ngày / Tổng số HGD được cung cấp nước: 16.172 khách hàng.
4. Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Lô.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 01 năm 2025.
6. Người kiểm tra: Hà Thị Mai
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Phù Ninh.

Mẫu 2: Ông Lập – Khu Đường Nam –TT Phong Châu – XNCN Phù Ninh.

Mẫu 3: Ông Hưng – Khu 6 – Bình Bộ – XNCN Phù Ninh.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá
						(đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,65	0,40	0,24	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,25	0,28	0,30	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,20	5,50	5,80	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,48	7,50	7,60	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

-Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023.

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Phù Ninh, ngày 15 tháng 01 năm 2025*

**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Hà Thị Mai



## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp nước sạch Việt Trì.
2. Địa chỉ: Khu 1- Phường Dữu Lâu- Thành phố Việt Trì- Tỉnh Phú Thọ.
3. Công suất thiết kế: 80.000 m<sup>3</sup>/ngđ/ Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 57.320 khách hàng
4. Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Lô.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 01 năm 2025.
6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Tuyền.
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp nước sạch Việt Trì.

Mẫu 2: Bà Năm – Khu 2 – Nông Trang- XNNS Việt Trì.

Mẫu 3: Ông Hùng – Tân Dân - XNNS Việt Trì.

Mẫu 4: Ông Dũng – Khu 4 – Thọ Sơn - XNNS Việt Trì.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

STT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	4	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
		1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH		
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**)(mg/L)	0,68	0,50	0,58	0,32	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,28	0,29	0,29	0,31	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,50	5,60	5,58	5,70	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,55	7,56	7,56	7,58	Trong khoảng 6,0-8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.
- Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Việt Trì, ngày 15 tháng 01 năm 2025*

**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Tuyền

**MẪU SỐ 05***(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)***BÁO CÁO****Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch***(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)***A. THÔNG TIN CHUNG**

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Cẩm Khê.
- Địa chỉ: Khu Đông Viên – Thị trấn Cẩm Khê - Huyện Cẩm Khê - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 18.000 m<sup>3</sup>/ngđ / Tổng số HGD được cung cấp nước: 13.009 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Hồng.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 01 năm 2025.
- Người kiểm tra: Lê Thị Hoa Mai.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Cẩm Khê.

Mẫu 2: Bà Oanh – Khu 6 – Cát Trù - XNCN Cẩm Khê.

Mẫu 3: Ông Hưng – Khu 4 –Yên Tập - XNCN Cẩm Khê.

**B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

**C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

STT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số				Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
		1	2	3		
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,60	0,28	0,40	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,32	0,36	0,35	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,60	5,90	5,80	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,58	7,68	7,62	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.
- Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Cẩm Khê, ngày 15 tháng 01 năm 2025*

**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Thị Hoa Mai

**MẪU SỐ 05***(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)***BÁO CÁO****Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch***(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)***A. THÔNG TIN CHUNG**

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Yên Lập.
- Địa chỉ: Thôn Móc Thiều- Xã Thượng Long- Huyện Yên Lập- Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 2.000 m<sup>3</sup>/ngđ / Tổng số HGD được cung cấp nước: 1.502 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Hồ Ly.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 01 năm 2025.
- Người kiểm tra: Nguyễn Thị Tuyết Nhung.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Yên Lập.

Mẫu 2: Ông Tuyên –Tân An 4 – TT Yên Lập - XNCN Yên Lập.

Mẫu 3: Ông Thạch– Khu Tân Hoa – Đồng Thịnh - XNCN Yên Lập.

**B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

**C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu  Các thông số				Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
		1	2	3		
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,68	0,30	0,23	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,35	0,38	0,41	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,80	6,50	6,80	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,32	7,35	7,38	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.
- Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023.

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Yên Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2025*

**Người kiểm tra**

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Tuyết Nhung.

## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Thanh Thủy.
- Địa chỉ: Khu 1- xã Xuân Lộc – huyện Thanh Thủy - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 16.000 m<sup>3</sup>/ngày / Tổng số HGD được cung cấp nước: 11.600 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Đà.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 01 năm 2025.
- Người kiểm tra: Lê Thị Hạnh.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:  
Mẫu 1: Bể chứa XNCN Thanh Thủy.

Mẫu 2: Công ty Takao Cranite - XNCN Thanh Thủy

Mẫu 3: Ông Hùng – khu 5 – Đào Xá - XNCN Thanh Thủy .

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,62	0,28	0,40	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,30	0,35	0,32	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,80	6,08	5,90	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,48	7,55	7,50	Trong khoảng 6,0-8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

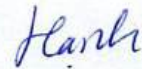
Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023.

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Thanh Thủy, ngày 15 tháng 01 năm 2025*

**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Thị Hạnh



## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp Cấp nước Trung Nghĩa
- Địa chỉ: Khu 1 - Đồng Trung - Thanh Thủy - Phú Thọ
- Công suất thiết kế: 7200 m<sup>3</sup>/ ngày đêm. Tổng số HGD được cung cấp nước: 9.630 khách hàng.
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt - Sông Đà
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 01 năm 2025
- Người kiểm tra: Lê Thị Minh Thoan.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Trung Nghĩa.

Mẫu 2: Ông Tùng – khu 7 – Trung Nghĩa - XNCN Trung Nghĩa

Mẫu 3: Bà Xây – Khu 11 – Tu Vũ- XNCN Trung Nghĩa.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng nước

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**)(mg/L)	0,58	0,30	0,32	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,29	0,30	0,30	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4,90	5,10	5,12	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,40	7,45	7,44	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.


-Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023.

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có) :** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Đồng Trung, ngày 15 tháng 01 năm 2025*

**Người kiểm tra**



Lê Thị Minh Thoan

## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Đuan Hùng.
- Địa chỉ: Xã Phú Lâm – Huyện Đuan Hùng - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 3000 m<sup>3</sup>/ngđ. Tổng số HGD được cung cấp nước: 2.114 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- SôngChày.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 01 năm 2025.
- Người kiểm tra: Nguyễn Thị Chính.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Đuan Hùng.

Mẫu 2: Bệnh viện đa khoa Hùng Vương – Chí Đám – XNCN Đuan Hùng.

Mẫu 3: Nguyễn Thị Yên – Phú Lâm - XNCN Đuan Hùng.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,68	0,32	0,40	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,30	0,32	0,33	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,60	5,72	5,90	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,36	7,40	7,38	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

-Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023.

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:**Không

*Doan Hùng, ngày 15 tháng 01 năm 2025*

**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Chính

## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Tân Sơn.
- Địa chỉ: Khu 4 – xã Tân Phú- huyện Tân Sơn - tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 4.500 m<sup>3</sup>/ngđ/ Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 5000 khách hàng.
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- SôngBúra.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 01 năm 2025.
- Người kiểm tra: Hoàng Thị Thanh Xuân.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:  
Mẫu 1: Bể chứa XNCN Tân Sơn.

Mẫu2: Ủy ban xã Mỹ Thuận - XNCN Tân Sơn.

Mẫu 3: Công an xã Minh Đài – XNCN Tân Sơn.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,66	0,38	0,32	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,28	0,30	0,31	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,50	5,65	5,70	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,36	7,40	7,45	6,0-8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo quyết định số 1921/QĐ-UBND của UBND Tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023.

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có):** Không

**E. ĐỀ NGHỊ:** Không

Tân Sơn, ngày 15 tháng 01 năm 2025

**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Hoàng Thị Thanh Xuân

## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Thanh Ba
2. Địa chỉ: Khu 11- Thị trấn Thanh Ba – Huyện Thanh Ba - Tỉnh Phú Thọ.
3. Công suất thiết kế: 6000 m<sup>3</sup>/ngđ. Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 9.688 khách hàng
4. Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt - Sông Hồng.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 01 năm 2025
6. Người kiểm tra: Nguyễn Anh Đức
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa Trạm Phương Lĩnh – XNCN Thanh Ba.

Mẫu 2: Trường mầm non Yên Khê - XNCN Thanh Ba

Mẫu 3: Trường THCS Đồng Xuân – Đồng Xuân - XNCN Thanh Ba

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
	Các thông số					
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,66	0,42	0,38	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,28	0,30	0,32	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,50	5,80	6,00	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,56	7,58	7,64	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.
- Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023.

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có):** Không

**D. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Thanh Ba, ngày 15 tháng 01 năm 2025*

**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*Đức*

Nguyễn Anh Đức



## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Hạ Hòa.
2. Địa chỉ: Khu 1- Thị trấn Hạ Hòa – Huyện Hạ Hòa - Tỉnh Phú Thọ.
3. Công suất thiết kế: 3000 m<sup>3</sup>/ngđ / Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 1.460 khách hàng.
4. Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt - Sông Hồng.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 01 năm 2025.
6. Người kiểm tra: Nguyễn Ngọc Hùng.
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa tại xí nghiệp cấp nước Hạ Hòa.

Mẫu 2: Hoàng Công Thảo – khu 8 - XNCN Hạ Hòa.

Mẫu 3: Đình Quang Bình – khu 9 - XNCN Hạ Hòa.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
	Các thông số					
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,68	0,45	0,42	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,32	0,35	0,38	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,02	5,15	5,26	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,60	7,62	7,65	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.
- Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023.

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Hạ Hòa, ngày 15 tháng 01 năm 2025*

**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Ngọc Hùng